

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2015/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 16 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Quy định mức trích và tỷ lệ phân chia kinh phí tổ chức thực hiện
bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 284/TTr-STC ngày 17 tháng 11 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức trích và tỷ lệ phân chia kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng theo quy định tại Điều 61, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, bao gồm cả trường hợp tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành tiêu dự án riêng theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy



cơ đe dọa tính mạng con người và đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai đe dọa tính mạng con người theo quy định tại điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai năm 2013.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (sau đây gọi tắt là Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường).

b) Các đối tượng khác có liên quan tới việc lập, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 2. Mức trích kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tỷ lệ kinh phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất

1. Mức trích kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án, tiểu dự án:

a) Nguồn kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trích 2% tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án, tiểu dự án; trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

b) Đối với các dự án, tiểu dự án thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư và các dự án, tiểu dự án xây dựng công trình hạ tầng theo tuyến (gồm các công trình: kênh thủy lợi; đường giao thông; đường dây tải điện; đường ống cấp thoát nước; đường ống dẫn dầu, khí), mức trích 5% tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án, tiểu dự án.

2. Tỷ lệ kinh phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất được xác định bằng 10% tổng kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án, tiểu dự án được quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 3. Tỷ lệ phân chia kinh phí sử dụng cho hoạt động của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường

1. Chi hoạt động của công tác thẩm định được trích 5% trên tổng dự toán chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trong đó:

a) Chi công tác thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (do cơ quan Tài nguyên và Môi trường chủ trì) tỷ lệ trích là 4% (tương đương 80% chi phí thẩm định được trích chung).

b) Chi công tác thẩm định dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (do cơ quan Tài chính chủ trì) tỷ lệ trích là 1% (tương đương 20% chi phí thẩm định được trích chung).

Đối với các khoản chi hoạt động của công tác thẩm định: Giao cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị có chức năng thẩm định phương án và thẩm định dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt dự toán, quyết toán các khoản kinh phí liên quan đến công tác thẩm định.

2. Số 95% còn lại chi hoạt động của tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, kể cả kinh phí trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ nằm trong dự toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trong trường hợp thuê đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện các dịch vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Đối với khoản chi hoạt động của tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, trên cơ sở nội dung chi, mức chi: Giao thủ trưởng Tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định tại Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính.

Điều 4. Tỷ lệ phân chia kinh phí sử dụng cho hoạt động của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường và Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng cấp tỉnh

Đối với dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Ban chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng cấp tỉnh thì tỷ lệ phân chia kinh phí sử dụng cho hoạt động của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường và Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng cấp tỉnh được xác định như sau:

1. Ban chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng cấp tỉnh: 5% trên dự toán chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, do cơ quan giữ nhiệm vụ Thường trực Ban chỉ đạo sử dụng làm chi phí hoạt động của Ban chỉ đạo.

2. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường: 95% còn lại. Việc phân chia kinh phí này được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Quyết định này.

Điều 5. Nội dung chi, mức chi, lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Nội dung chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính.

2. Mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính.

Đối với những nội dung chi chưa có tiêu chuẩn, định mức, đơn giá do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định thì lập dự toán theo thực tế cho phù hợp với đặc điểm của từng dự án và thực tế ở địa phương.

3. Việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính.

4. Những nội dung khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính và các quy định về chế độ tài chính hiện hành.



Điều 6. Xử lý các trường hợp đang thực hiện

Đối với những dự án, tiểu dự án đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước khi Quyết định này có hiệu lực thì việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất được thực hiện theo các quy định trước đây; không áp dụng hoặc điều chỉnh theo Quyết định này.

Các trường hợp khác còn lại không nêu trong Quyết định này thì thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / *lu*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh;
- Báo Đắk Nông;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC (Va). *52*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

